

PHỤ LỤC SỐ 04

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC - HẢI PHÒNG
Năm báo cáo: 2018**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **0200171274**
- Vốn điều lệ: **742.069.400.000**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **742.069.400.000**
- Địa chỉ: **Số 54 Đinh Tiên Hoàng, Hồng Bàng, Hải Phòng**
- Số điện thoại: **031.3745377**
- Số fax: **031.3823748**
- Website: **capnuochaiphong.com.vn**
- Mã cổ phiếu (nếu có): **HPW**

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Tóm tắt quá trình phát triển:

*** Về tổ chức:**

- *Giai đoạn 1905 đến trước 13/5/1955*: các công trình cấp nước do người Pháp thiết kế, xây dựng và quản lý gồm: 1 nhà máy nước công suất 5000 m³/ngày tại Lán Tháp, Ưông Bí, Quảng Ninh; Tuyến ống cấp nước D600 dài trên 33 km cấp nước từ Lán Tháp về Hải Phòng (xây dựng những năm đầu của thập niên 1900); Trạm bơm tăng áp Đinh Tiên Hoàng (xây dựng 1934) gồm: 01 đài nước cao 25m, dung tích 500 m³; 06 đài nước cao 8m, tổng dung tích 1800 m³; 01 trạm bơm tăng áp. Từ 1934 - 1954, xây dựng thêm 2 giếng khai thác nước ngầm tại Nhà hát Lớn và Trại Cau có công suất khai thác 3840 m³/ngày.

- Từ 1955 đến 1986: Nhà máy nước Hải Phòng chính thức được thành lập vào năm 1967 trực thuộc sở Nhà đất (nay là sở Xây dựng) quản lý.

- Năm 1986, Nhà máy nước Hải Phòng chuyển đổi thành Công ty Cấp nước Hải Phòng theo quyết định số 845/QĐ-UB ngày 28/10/1986 “ về việc đổi tên và quy định quyền hạn Công ty Cấp nước Hải Phòng” của UBND thành phố Hải Phòng.

- Năm 1993, UBND thành phố Hải Phòng ra Quyết định số 71/QĐ - TCCQ ngày 14/01/1993: về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước và quy chế hoạt động doanh nghiệp của Công ty Cấp nước Hải Phòng”.

- Năm 1998, NMN Lán Tháp, Uông Bí được bàn giao cho tỉnh Quảng Ninh quản lý, khai thác cấp cho Quảng Ninh.

- Năm 2007, Công ty Cấp nước Hải Phòng chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Hải Phòng, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 10/8/2006. Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty theo Quyết định số 2801/2006/QĐ-UBND ngày 25/12/2006.

- Năm 2008, Công ty tiếp nhận và quản lý nhà máy nước Vĩnh Bảo từ huyện Vĩnh Bảo; tiếp nhận và quản lý Xí nghiệp điện nước Cát Bà từ huyện Cát Hải.

- Năm 2009 cổ phần hóa xí nghiệp cấp nước Vật Cách thành Công ty Cổ phần cấp nước Vật Cách (nay là Công ty Cổ phần kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng)....

- Tháng 4 năm 2015 Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Hải Phòng chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng theo Quyết định số 732/QĐ-UBND ngày 09/04/2015

*** Về đầu tư Hệ thống cấp nước:**

- Năm 1959 - 1961: Nhà máy nước An Dương được xây dựng giai đoạn I với công suất 20.000 m³/ngày cấp nước cho khu vực nội thành (các quận Hồng Bàng, Lê Chân, Ngô Quyền, Hải An hiện nay); Giai đoạn này Nhà máy nước Đồ Sơn cũng được xây dựng với công suất 1000 m³/ngày cấp cho khu vực Đồ Sơn.

- Năm 1965 - 1971: NMN An Dương được đầu tư nâng công suất lên 60.000 m³/ngày.

- Năm 1976 - 1977: NMN Cầu Nguyệt được xây dựng giai đoạn I với công suất 20.000 m³/ngày cấp cho khu vực Kiến An thay cho việc dùng 2 trạm bơm nước giếng ở Khúc Trì và Tràng Minh công suất 2420 m³/ngày bị nhiễm mặn cao.

- Năm 1979 - 1980: NMN Cầu Nguyệt triển khai giai đoạn II, nâng công suất lên 60.000 m³/ngày cấp một phần cho khu vực nội thành trung tâm.

- Năm 1987 - 1989: NHM Vật Cách được đầu tư xây dựng với công suất 11.000 m³/ngày, cấp nước cho khu vực Vật Cách, Quán toan. NMN Đồ Sơn được cải tạo nâng công suất lên 5000 m³/ngày.

- Năm 1993 - 1997: Đầu tư cải tạo, xây dựng mới trên 20 km ống chuyên tải D300 - D600; cải tạo mạng lưới phân phối theo vùng và thực hiện việc lắp đồng hồ đo nước cho từng hộ gia đình của 17 phường thuộc các quận Lê Chân, Ngô Quyền.

- Năm 1999 - 2003: Thực hiện Dự án cấp nước 1A vay vốn WB với tổng mức đầu tư khoảng 19 triệu USD, cải tạo toàn bộ mạng lưới chuyên tải và phân phối khu vực nội thành (các quận Hồng Bàng, Lê Chân, Ngô Quyền); Cải tạo nâng công suất NMN An Dương lên 100.000 m³/ngày, cải tạo trạm bơm Quán Vĩnh, xây dựng 4 km ống BTCT D1000 cấp nước thô từ Quán Vĩnh - An Dương.

- Năm 2004 - 2005: Xây dựng 12,5 km ống chuyên tải D500, D700 khu vực phía Nam nội thành Hải Phòng từ NMN An Dương đến đập Đình Vũ, tổng mức đầu tư khoảng 50 tỷ đồng.

- Năm 2005 - 2007: Đầu tư xây dựng mới hệ thống cấp nước quận Hải An gồm các phường Đằng Hải, Nam Hải, Tràng Cát, Cát Bi, Đông Hải, 3km ống D300, D400 NMN Vật Cách - TT An Dương, 3km ống D300 đi KCN An Tràng; cấp nước xã An Đồng, huyện An Dương.

- Năm 2007 - 2009: Thực hiện Dự án cấp nước Kiến An vay vốn WB, tổng mức đầu tư 14,5 triệu USD, cải tạo NMN Cầu Nguyệt công suất 40.000 m³/ngđ, cải tạo lại toàn bộ mạng lưới chuyên tải và mạng phân phối của 8/10 phường quận Kiến An, lắp đặt trên 30.000 đồng hồ tới hộ gia đình. Tiếp tục đầu tư kéo dài 3 km ống D500 Đình Vũ (tới cảng Đình Vũ). Cải tạo cấp nước thị trấn An Dương, xây dựng 3km ống D300 KCN Tràng Duệ, cấp nước xã An Đồng...

- Năm 2008: Tiếp nhận quản lý hệ thống cấp nước Vĩnh Bảo từ huyện với công suất thiết kế nhà máy ban đầu là 2.500 m³/ngđ, mạng lưới khu vực thị trấn với khoảng 1300 hộ khách hàng. Từ đó đến nay Công ty đầu tư gần 50 tỷ đồng để nâng công suất nhà máy lên 5000 m³/ngđ, mở rộng mạng lưới ra các xã ven: Nhân Hòa, Tân Liên, Tân Hưng, Trung Lập,... đưa số khách hàng dùng nước lên 6450 hộ.

Cũng trong năm 2008 Công ty tiếp nhận quản lý hệ thống cấp nước Cát Bà từ huyện Cát Hải với công suất thiết kế nhà máy ban đầu là 3.000 m³/ngđ, mạng lưới khu vực thị trấn với khoảng 1500 hộ khách hàng. Từ đó đến nay Công ty đầu tư gần 40 tỷ đồng để cải tạo nhà máy nâng cao hiệu quả vận hành, nâng cao chất lượng nước xử lý; đầu tư xây dựng các trạm bơm đầu nguồn và tuyến ống cấp nước thô đảm bảo cấp đủ nước; cải tạo lại mạng lưới thị trấn Cát Bà; mở rộng mạng lưới cấp nước ra các xã Trân Châu, Xuân Đám, Việt Hải đưa số khách hàng dùng nước lên 3000 hộ.

- Năm 2009: Thành lập Công ty Cổ phần cấp nước Vật Cách từ Xí nghiệp sản xuất nước Vật Cách.

- Năm 2009 - 2012: Đầu tư xây dựng 5 km ống D300 đường 402, 6 km ống D300 đường 355, 6 km ống D300 đường 351, cải tạo cấp nước các xã Hồng Thái, Đồng Thái, Thái Sơn, phường Đa Phúc, đầu tư xây dựng 4 km ống gang D1000 cấp nước thô giai đoạn II từ TB Quán Vĩnh - NMN An Dương, tổng mức đầu tư khoảng 54 tỷ đồng.

- Năm 2012 - 2014: Đầu tư xây dựng nâng công suất NMN Vật Cách từ 10.000 m³/ngđ lên 30.000 m³/ng bằng việc xây dựng mới 01 NMN công suất 20.000 m³/ngđ, tổng mức đầu tư khoảng 100 tỷ đồng; đầu tư xây dựng 01 tuyến ống D400 dài 6,7km từ Vật Cách - ngã 4 đèn liệt sỹ Hồng Bàng, tổng mức đầu tư khoảng 30 tỷ đồng; Dự án xây dựng bể lọc tiếp xúc sinh học U-BCF công suất 5.000m³/ngày tại nhà máy nước Vĩnh Bảo: đây là dự án đánh dấu thành công của việc hợp tác kỹ thuật với Cục Cấp thoát nước thành phố Kitakyushu Nhật Bản, nhằm xử lý vấn đề ô nhiễm hữu cơ nguồn nước thô, nâng cao chất lượng nước cấp cho khu vực huyện Vĩnh Bảo.

- Năm 2014 - 2019: Công ty đang triển khai nhiều Dự án mở rộng hệ thống Cấp nước Hải Phòng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước, nâng cao hạ tầng kỹ thuật cấp nước góp phần vào công cuộc thu hút đầu tư, phát triển kinh tế xã hội của thành phố. Một số Dự án tiêu biểu bao gồm:

+ Dự án đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước Hải Phòng - giai đoạn II, vay vốn ADB, tổng mức 73,7 triệu USD để: nâng công suất NMN An Dương lên 200.000 m³/ngày; xây dựng NMN Hưng Đạo công suất 25.000 m³/ngày (quy hoạch 200.000 m³/ngày); xây dựng NMN Ngũ Lão công suất 25.000 m³/ngày (quy hoạch 200.000 m³/ngày); xây dựng khoảng 47 km ống chuyên tải D300 – D800; cải tạo mạng lưới phân phối cấp nước các quận Đồ Sơn, Dương Kinh với số khách hàng mới tăng thêm khoảng 5.000-10.000 khách hàng và trên 196.000 khách hàng khu vực trung tâm được hưởng lợi ích do cấp nước được ổn định và cải thiện cả về chất lượng và dịch vụ.

+ Dự án Cấp nước đảo Cát Hải – giai đoạn I: xây dựng trạm bơm tăng áp Đình Vũ và đầu tư xây dựng hệ thống tuyến ống truyền dẫn nước D500 L=4,7km nối tiếp đến trạm bơm tăng áp Đình Vũ, tuyến ống D600-D400 L=13km qua cầu Đình Vũ Cát Hải để phục vụ cấp nước cho các Khu công nghiệp, nhà máy sản xuất và nhân dân trên đảo Cát Hải.

+ Dự án cấp nước đảo Hòn Dấu: xây dựng bể sung khoảng 10km tuyến ống truyền dẫn D400-DN280 và đặc biệt là 02 tuyến ống xi phông DN225 L=720m/tuyến vượt biển sang đảo Hòn Dấu để cấp nước cho Dự án khu vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng sinh thái đảo Hòn Dấu và cấp nước cho đồn biên phòng, trạm hải đăng và đền thờ hiện có trên đảo.

+ Dự án cấp nước đảo Vũ Yên: xây dựng tuyến ống D300 L=900m trong đó có đoạn xi phông HDPE DN355 được lắp đặt ngầm dưới lòng sông Cấm bằng công nghệ khoan kích ngầm có định hướng (HDD) để cấp nước cho Dự án khu sân golf và nghỉ dưỡng đảo Vũ Yên.

+ Dự án xây dựng bể lọc tiếp xúc sinh học U-BCF công suất 100.000m³/ngày tại nhà máy nước An Dương với vốn viện trợ của Nhật Bản khoảng 421 tỷ đồng để xử lý vấn đề ô nhiễm hữu cơ nguồn nước thô, nâng cao chất lượng nước sạch cấp cho nhân dân.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác trên địa bàn Thành phố Hải Phòng.

- Lập quy hoạch, dự án đầu tư, thẩm tra, thẩm định dự án cấp nước; khảo sát, thiết kế, kiểm nghiệm chất lượng nước, quản lý và giám sát thi công các dự án, các công

trình cấp thoát nước, điện, động lực, xây dựng dân dụng, công nghiệp và các dịch vụ chuyên ngành.

- Đầu tư xây dựng và quản lý các công trình cấp nước nội ngoại thành Thành phố Hải Phòng. Xây dựng, lắp đặt thiết bị, công nghệ, mạng lưới đường ống, các công trình cấp, thoát nước, xử lý chất thải và chất thải rắn, điện, động lực và xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.

- Mua bán, gia công, chế tạo thiết bị, phụ tùng, các sản phẩm chuyên ngành cấp, thoát nước và kinh doanh các công trình hạ tầng khác.

- Tư vấn đấu thầu xây lắp, cung ứng vật tư, thiết bị, công trình cấp thoát nước. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, hướng dẫn quy trình vận hành, bảo dưỡng thiết bị ngành nước.

- Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, dịch vụ khách sạn, nhà hàng, tổ chức các hội nghị, hội thảo,...

- Kiểm định đồng hồ đo nước lạnh (trong phạm vi được ủy quyền).

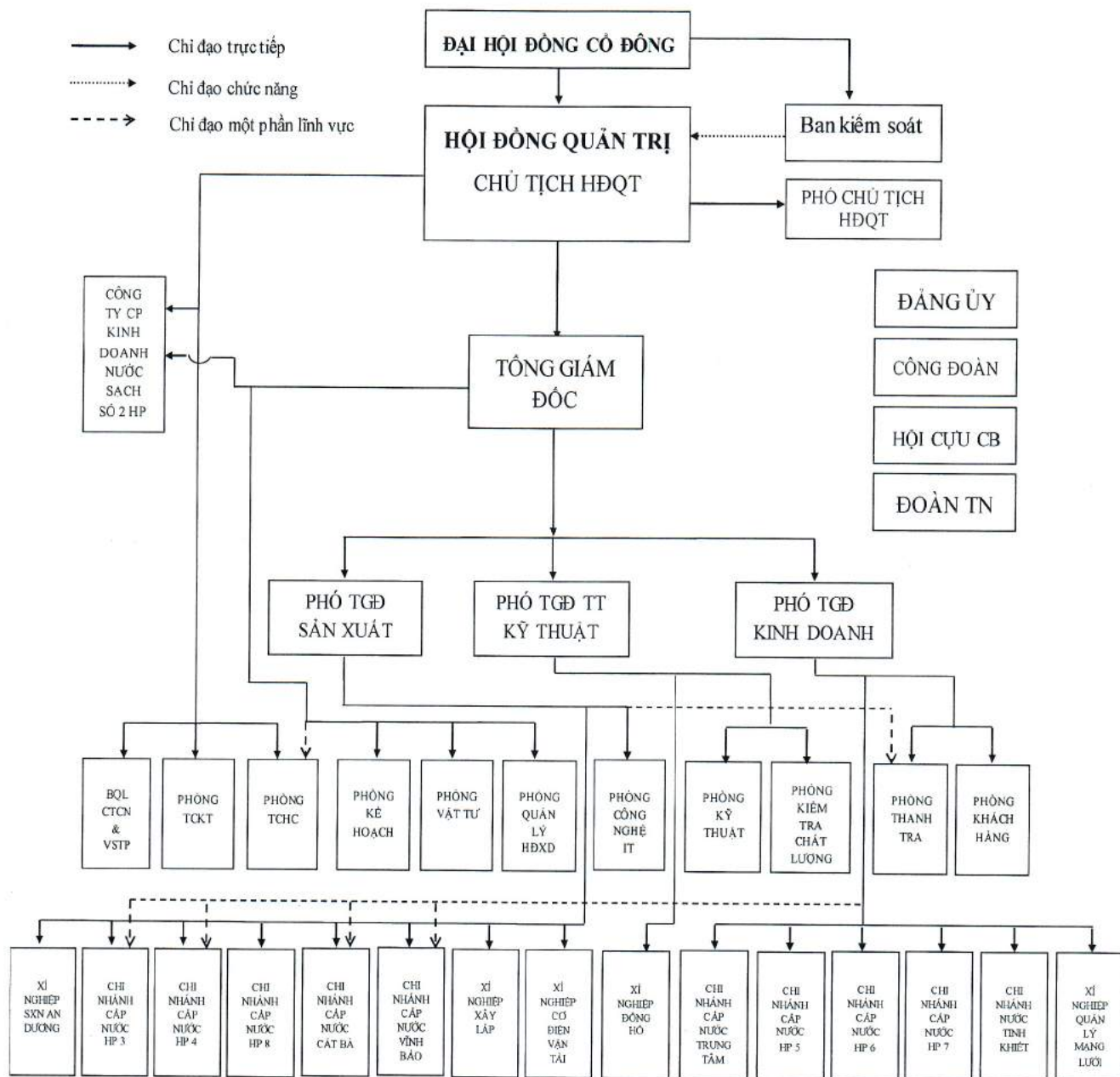
- Dịch vụ vận tải; Sản xuất và kinh doanh nước đá và nước tinh lọc.

3.2. Địa bàn kinh doanh

Thành phố Hải Phòng

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Cơ cấu bộ máy quản lý.



Chức năng của các phòng ban:

- **Phòng Tổ chức – Hành chính:**

- Giải quyết các công việc liên quan đến: chính sách người lao động, tiền lương, tiền thưởng.
- Tham mưu cho lãnh đạo về công tác tổ chức, tuyển dụng, đào tạo.
- Giải quyết các công việc hành chính cơ quan, quản lý con dấu.

- **Phòng Kế hoạch:**

- Tham mưu với lãnh đạo Công ty về việc lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, kiểm tra và đánh giá các kết quả thực hiện.

- **Phòng Kỹ Thuật:**

- Quản lý công tác kỹ thuật, quy hoạch, lập dự án, thiết kế phát triển hệ thống cấp nước.

- **Phòng Tài chính – Kế toán:**

- Quản lý, giám sát toàn bộ các hoạt động về tài chính, kế toán, thống kê của Công ty.

- **Phòng Vật tư:**

- Quản lý vật tư của Công ty.
- Cung ứng đủ vật tư cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- **Phòng Khách hàng:**

- Giao dịch với khách hàng
- Quản lý và vận hành hệ thống hoá đơn và các khoản phải thu.

- **Phòng Kiểm tra chất lượng nước:**

- Quản lý chất lượng nước sản xuất.
- Theo dõi các nguồn nước đang và sẽ khai thác.

- **Phòng Công nghệ thông tin:**

- Quản lý, bảo dưỡng, giám sát vận hành và đảm bảo thông suốt mạng máy tính và các thiết bị tin học trong toàn Công ty. Quản trị mạng thông tin nội bộ, quản lý các hệ thống mạng tin học mà Công ty đang sử dụng để phục vụ cho công tác khai thác của các đơn vị vào mục đích SXKD của Công ty.

- **Phòng Thanh tra:**

- Kiểm tra hệ thống cấp nước từ nguồn nước sinh hoạt, công trình cấp nước, mạng lưới cấp nước đến các hộ tiêu thụ.
- Giải quyết các vi phạm về quản lý, bảo vệ công trình cấp nước, nguồn nước sinh hoạt, các vi phạm về mua bán, sử dụng nước máy theo hợp đồng mua bán nước máy và các quy định liên quan.

- **Phòng Quản lý hoạt động xây dựng:**

- Tham mưu giúp việc cho Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc triển khai hướng dẫn, kiểm tra trong các lĩnh vực: các văn bản pháp quy liên quan, soát xét các bước trong công tác xây dựng và thẩm định các dự án đầu tư.

- **Ban quản lý CTCN và vệ sinh thành phố:**

- Thay mặt chủ đầu tư quản lý các dự án đầu tư xây dựng, công trình được giao.
- Tham mưu đặc lực cho chủ đầu tư về các trình tự, thủ tục đầu tư theo đúng luật xây dựng, luật đấu thầu, nghị định và các quy định khác của Pháp luật.
- Tổ chức lập dự án đầu tư, khảo sát thiết kế, lập dự toán, tổng dự toán, tổ chức thẩm định và phê duyệt hồ sơ thiết kế.
- Tổ chức đấu thầu, lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng với nhà thầu. Lựa chọn nhà thầu tư vấn giám sát.
- Thanh quyết toán công trình theo đúng quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình của Nhà nước ban hành và các văn bản quy định về xây dựng cơ bản

4.2 Các công ty con, công ty liên kết

- Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng có đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng - tiền thân là Xí nghiệp Cấp nước Vật

Cách Hải Phòng, có trụ sở tại thôn Do Nha, xã Tân Tiến, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, được chuyển đổi sang Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 07 năm 2009.

Tỷ lệ góp vốn cũng như tỷ lệ biểu quyết là 65,29% với giá trị đầu tư là **21.938.000.000 đồng**

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của các hộ dân trên vùng phục vụ và 100% các hộ dân khu vực đô thị với tiêu chuẩn chất lượng nước sạch theo Quy chuẩn QCVN 01:2009/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống, duy trì bền vững, mang lại sự hài lòng cho khách hàng.

- Hoàn thiện hệ thống hạ tầng cấp nước theo hướng hiện đại, văn minh đạt trình độ hạ tầng cấp nước của những thành phố phát triển trong khu vực, tiến tới ngang tầm với hệ thống cấp nước của các nước phát triển trên thế giới.

- Đảm bảo tối thiểu 99% khách hàng hài lòng với chất lượng sản phẩm và dịch vụ. Xây dựng và thực hiện văn hoá Công ty.

- Duy trì và không ngừng cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001.

- Đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu của khách hàng tại các vùng phục vụ.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Công ty tiếp tục tập trung khai thác sản xuất và cung cấp nước sạch, đầu tư xây dựng các công trình cấp nước đáp ứng nhu cầu của thị trường về sản phẩm nước sạch, phát triển và tiến tới đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, đa dạng hóa các hình thức đầu tư để đáp ứng nhiệm vụ trong thời kỳ mới.

- Đầu tư các dự án trọng điểm để xây mới, cải tạo và mở rộng các nhà máy nước, hệ thống ống truyền dẫn, ống phân phối nước, vùng phục vụ để đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt, sản xuất và du lịch của Thành phố. Xây dựng lộ trình thực hiện các dự án cấp nước phù hợp với tiến độ các dự án phát triển kinh tế - xã hội, đô thị, du lịch và các khu công nghiệp của thành phố.

- Thực hiện kế hoạch chống thất thoát theo vùng, tuyến ống, phấn đấu giảm tỷ lệ thất thoát đến năm 2020 xuống dưới 13%. Ưu tiên các dự án chống thất thoát thất thu nước sạch nhằm nâng cao năng lực vận hành hệ thống cấp nước và giảm tỷ lệ thất thoát nước.

- Thu hút các nguồn vốn trong và ngoài nước để đầu tư mới nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước; nâng độ phủ cấp nước đô thị đạt tỷ lệ 100%.

- Nâng cao năng lực, nâng cao công suất cấp nước, chú trọng đến công tác quản lý chất lượng nước. Cung cấp sản phẩm nước sạch đạt chất lượng theo quy chuẩn Việt Nam QC 01/2009-BYT. Duy trì thực hiện hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2015, xây dựng và hoàn thiện các quy chế nội bộ; thực hiện công tác quy hoạch cán bộ đến 2020. Tổ chức đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ công nhân viên; có chính sách thu hút các kỹ sư chuyên ngành, cán bộ nghiệp vụ quản lý kinh tế khá, giỏi về làm việc tại Công ty.

- Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật - công nghệ - tin học để nâng cao chất lượng công tác quản lý điều hành, đổi mới phương thức phục vụ - đưa đến khách hàng các dịch vụ - phục vụ tốt nhất, thực hiện chiến lược "Coi trọng khách hàng" để tồn tại và phát triển bền vững.

5.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- Xây dựng thương hiệu, quảng bá doanh nghiệp giúp khách hàng tin tưởng và lựa chọn sản phẩm dù là nước máy, nước đóng chai hay các sản phẩm trong lĩnh vực tư vấn, xây dựng hệ thống cấp thoát nước.

- Sản xuất kinh doanh theo hướng thân thiện với môi trường. Đảm bảo cung ứng đủ nước cho thành phố khi có ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

6. Các rủi ro

6.1. Rủi ro về kinh tế.

Sự ổn định và vững mạnh của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới là điều kiện hết sức quan trọng và cần thiết cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung.

Hoạt động chủ yếu của Công ty Cấp nước Hải Phòng là sản xuất và cung cấp nước sạch phục vụ nhu thiết yếu cho người dân và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Năm 2018 là một năm tiếp theo kinh tế thành phố Hải Phòng tiếp tục ổn định và khởi sắc, tuy nhiên SXKD của nhiều doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng vẫn còn gặp nhiều khó khăn, sản xuất bị giảm sút. Do đó, những rủi ro kinh tế cũng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nhưng tỷ trọng nước sinh hoạt chiếm tỷ trọng lớn hơn so với các mục đích khác. Vì vậy rủi ro kinh tế có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhưng không nhiều lắm.

6.2. Rủi ro về luật pháp.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau như Luật Doanh nghiệp, Luật Bảo vệ Môi trường, Luật Tài nguyên nước...

Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra việc nhiều nghị định được đưa vào ban hành nhưng chưa có thông tư hướng dẫn cụ thể khiến cho Công ty cũng gặp khó khăn trong việc áp dụng.

Tuy nhiên, có thể thấy được mặt tích cực từ những thay đổi này đó là tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài cũng như giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tiến hành thuận lợi hơn.

6.3. Rủi ro đặc thù.

6.3.1. Rủi ro từ nguồn nước tự nhiên khai thác

- Nguồn nước thô nguyên liệu đầu vào để sản xuất nước sạch được khai thác từ các sông Rế, Đa Độ, Luộc là hạ lưu của sông Thái Bình, sông Hồng. Nguồn nước sông phụ thuộc vào thượng nguồn, vào sự điều tiết của các đập thủy điện thượng lưu do đó tương đối không ổn định. Do đó, Công ty Cấp nước Hải Phòng có thể gặp các rủi ro từ điều kiện tự nhiên của nguồn nước bị thay đổi. Sự thay đổi về chất lượng và lưu lượng nước thô ảnh hưởng rất lớn đến quá trình xử lý nước.

- Hoạt động sản xuất công nghiệp, nông nghiệp phát triển nhanh chóng cũng kéo theo nguy cơ ô nhiễm nguồn nước cao. Hoạt động sản xuất nông nghiệp sử dụng nhiều chất hóa học như phân bón, thuốc trừ sâu, gây nguy cơ ô nhiễm nguồn nước. Những năm gần đây, thời tiết thay đổi khá thất thường, mùa khô kéo dài, nguồn nước sạch bị nhiễm mặn, nhiễm cứng thiếu về trữ lượng và chất lượng do đó ảnh hưởng đến nguồn nước thô cung cấp như đã xảy ra tại đảo Cát Bà. Để ngăn ngừa các rủi ro trên, Công ty đã áp dụng các biện pháp quản lý chất lượng nước:

+ Kiểm soát chất lượng nước trên mạng lưới thường xuyên, xử lý kịp thời các trường hợp nước trên mạng lưới bị ô nhiễm.

+ Thường xuyên theo dõi kết quả phân tích chất lượng nước thô nhằm phát hiện biến động về chất lượng nước, lập tức đề ra biện pháp khắc phục, xác định chủng loại và định lượng hóa chất phù hợp để áp dụng vào sản xuất.

+ Xây dựng các cụm xử lý nước mặn và nước lợ thành nước ngọt phục vụ nhu cầu dùng nước của huyện đảo.

+ Tăng cường áp dụng công nghệ vào công tác kiểm soát chất lượng nước trên mạng lưới, lắp đặt bổ sung các thiết bị đo chất lượng nước trên mạng lưới và tại các trạm bơm, nhà máy.

6.3.2. Rủi ro thất thoát nước

Tỷ lệ thất thoát của hệ thống cấp nước hiện tại khoảng 11,96%. Nước rò rỉ được phân theo 02 loại: loại dễ thấy (nước tràn lên mặt đất) và loại khó thấy (nước chảy ngầm dưới lòng đất, chảy vào hệ thống cống thoát nước..).

Việc sửa chữa các điểm rò rỉ loại dễ thấy được thực hiện trong ngày. Còn đối với điểm rò rỉ khó thấy, cần phải có kế hoạch dò tìm và sửa chữa. Các điểm rò rỉ loại này sẽ tồn tại trong một thời gian dài và chiếm một tỷ lệ lớn trong tổng số lượng nước rò rỉ. Hơn nữa, nếu chúng ta không dò tìm và sửa chữa các điểm rò rỉ loại này một cách có hệ thống, chúng sẽ gây ra các sự cố lớn hơn và lượng nước rò rỉ do đó cũng tăng lên.

Hiện nay Công ty đang ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến trong công tác quản lý hệ thống cấp nước nhằm giảm thiểu nước thất thoát như: Hệ thống thông tin địa lý GIS,

hệ thống Scada, Telemetry - hỗ trợ quản lý, phân tích và đánh giá mạng lưới cấp nước...

6.4. Rủi ro khác.

- Các rủi ro khác nằm ngoài dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai, hỏa hoạn, địch họa,...là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng.

- Việc phát triển thêm khách hàng sinh hoạt ở các huyện ngoại thành gặp nhiều khó khăn do gặp phải sự cạnh tranh với các công ty cấp nước tư nhân ở địa phương cũng như chi phí đầu tư ban đầu tương đối lớn.

- Chi phí sản xuất tăng cao do các yếu tố chủ quan đầu vào như tiền điện, nước thô, các khoản phí phải nộp ngân sách.. tăng dẫn tới các chỉ tiêu tài chính không được đảm bảo.

-Tiến độ giải ngân các khoản vay nước ngoài không kịp tiến độ dẫn tới việc thực hiện các dự án đầu tư bị chậm.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	So sánh(%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(5)/(4)
1	Khách hàng	Hộ	314.317	310.329	98,7
2	Số khách hàng phát triển	Hộ	14.520	11.338	78,08
3	Nước tiêu thụ	M ³	63.039.871	63.715.196	101,07
4	Doanh thu	1000đ	776.358	818.087	105,37
5	Doanh thu tài chính	1000đ		8.225	
6	Lợi nhuận trước thuế	1000đ	91.387	92.103	100,78

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	So sánh(%)
7	Lợi nhuận sau thuế	1000đ		74.744	
8	Tiền lương bình quân	Tr đ/tháng		8,6	

*** Đánh giá tình hình:**

Nhờ triển khai thực hiện hữu hiệu những giải pháp về khai thác nguồn vốn, về thị trường, công nghệ sản xuất, triệt để tiết kiệm, áp dụng chính sách giá linh hoạt, hợp lý, tăng cường công tác chăm sóc khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ, Công ty đã giữ vững, phát triển và mở rộng thị trường, ổn định sản xuất, hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch SXKD năm 2018. Cụ thể:

- Sản lượng nước tiêu thụ tăng 1,07% so với kế hoạch, doanh thu tăng 5,4% so với mục tiêu đề ra.

- Tỷ lệ thất thoát giảm, giúp công ty tiết kiệm được mức chi phí lớn

- Lợi nhuận trước thuế tăng nhẹ 0,78% so với kế hoạch, Công ty hoạt động SXKD có hiệu quả.

- Thu nhập của CB-CNV cũng được cải thiện, ở mức khá so với mặt bằng chung của thành phố.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Hội đồng Quản trị:

2.1.1. Ông Trần Việt Cường - Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên : Trần Việt Cường

- Giới tính : Nam

- Sinh ngày : 11/09/1974

- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- CMND : 030927877 - Ngày cấp: 18/04/2007 - Nơi cấp: CA Hải Phòng

- Quê quán : Kim Thái - Vụ Bản – Nam Định

- Nơi ở hiện nay: Số 1/78 Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, TP Hải Phòng

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, kỹ sư điện tàu biển, cử nhân tiếng anh, kỹ sư xây dựng

2.1.2. Ông Vũ Hồng Dương - Phó Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên : Vũ Hồng Dương

- Giới tính : Nam

- Sinh ngày : 30/06/1958

- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- CMND : 030058000035 - Ngày cấp: 18/07/2014 - Nơi cấp: Cục Trưởng Cục cảnh sát DKQL cư trú và DLQG về dân cư.

- Quê quán : Xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

-Nơi ở hiện nay: Số 7 khu nhà ở ven hồ Phương Lưu, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng

- Trình độ văn hóa: 10/10

- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư cấp thoát nước

2.1.3. Ông Đặng Hữu Dũng - Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc

- Họ và tên : Đặng Hữu Dũng

- Giới tính : Nam

- Sinh ngày : 04/03/1962

- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- CMND : 030141876 - Ngày cấp:08/02/2006 - Nơi cấp: CA Hải Phòng

- Quê quán : Xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định

- Nơi ở hiện nay: Lô 26A tổ 30 phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng

- Trình độ văn hóa: 10/10

- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư quản trị kinh doanh, kỹ sư cấp thoát nước

2.1.4. Ông Trần Văn Dương - Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc thường trực

- Họ và tên : Trần Văn Dương

- Giới tính : Nam

- Sinh ngày : 07/03/1970

- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- CMND : 030810477 - Ngày cấp: 28/08/2003 - Nơi cấp: CA Hải Phòng

- Quê quán : Đa Phúc – Dương Kinh – Hải Phòng

- Nơi ở hiện nay: Số 6/183, đường Đà Nẵng, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư cấp thoát nước

2.1.5. Ông Nguyễn Đăng Ninh- Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng

- Họ và tên : Nguyễn Đăng Ninh

- Giới tính : Nam

- Sinh ngày : 29/10/1976

- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- CMND : 031076001176 - Ngày cấp: 15/05/2015 - Nơi cấp: Cục Trưởng Cục cảnh sát DKQL cư trú và DLQG về dân cư.

- Quê quán : Xã Kim Anh, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

- Nơi ở hiện nay : Lô 2 khu dân cư Quán Nam, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, TP Hải Phòng

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ quản trị kinh doanh, cử nhân kế toán, Cử nhân Tiếng anh.

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:

- Ngày 01/07/2018 Ông Trần Việt Cường được bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT

- Ngày 02/07/2018 Ông Vũ Hồng Dương được bầu giữ chức vụ phó Chủ tịch HĐQT.

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên

Tại thời điểm 31/12/2018:

+ Tổng số lao động trong doanh nghiệp: 1.098 người;

Trong đó: - Lao động là nam: 623 người.

- Lao động nữ: 475 người.

- Lao động tham gia BHXH: 1.098 người;

Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước và các quy định của Công ty đối với người lao động. Các chính sách: tiền lương, tiền thưởng, khen thưởng, kỷ luật, nội quy lao động, chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, tết, bảo hiểm, ốm đau, thai sản, bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động, tuyển dụng, đào tạo, ăn giữa ca, tham quan, nghỉ mát, sử dụng quỹ phúc lợi, quỹ tương trợ, chăm sóc sức khỏe, đời sống vật chất, tinh thần ... được duy trì thực hiện đầy đủ, đúng quy định giúp người lao động yên tâm, gắn bó với doanh nghiệp, công tác với tinh thần trách nhiệm và hiệu quả cao.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Các khoản đầu tư lớn

Đáp ứng nhu cầu dùng nước của nhân dân Thành phố, năm 2018 Công ty tiếp tục triển khai Dự án đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước Thành phố Hải phòng giai đoạn II vay vốn ngân hàng phát triển Châu Á (ADB). Trong đó, hạng mục xây dựng NMN Hưng Đạo công suất 25.000 m³/ngày dự kiến đưa vào vận hành trong quý I/2019; cải tạo hệ thống cấp nước quận Đồ Sơn, Dương Kinh; nâng công suất NMN An Dương lên 200.000m³/ngày; xây dựng NMN Ngũ Lão công suất 25.000m³/ngày.

Cùng với đó, Công ty đã và đang triển khai nhiều dự án đầu tư nâng cao năng lực sản xuất của các nhà máy và mở rộng mạng lưới cấp nước một cách đồng bộ bao gồm:

- Dự án xây dựng bể lọc U-BCF An Dương với công suất 100.000 m³/ngày bằng nguồn vốn viện trợ của Nhật Bản.

- Dự án xây dựng cụm xử lý 2.500 m³/ngày và bể chứa 1.000 m³ tại NMN Minh Đức.

- Dự án cải tạo, xây dựng bể chứa 2.000 m³ tại trạm bơm tăng áp Đông Hải, dự án xây dựng tuyến ống trục D600 qua cầu Đình Vũ – Cát Hải và D400 dọc theo đường Tân Vũ - Lạch Huyện đến đầu Cảng Lạch Huyện cấp nước cho Tổ hợp sản xuất ô tô Vinfast, cảng container quốc tế HICT cùng một số đơn vị kinh doanh, sản xuất trên đảo.

- Dự án lắp đặt cụm xử lý nước lợ công suất 1.000 m³/ngày tại thôn Hải Sơn xã Trân Châu huyện Cát Hải.

Và một số dự án xây dựng các tuyến ống truyền dẫn khác.

Thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, năm 2018 Công ty triển khai cấp nước cho xã Tân Dân huyện An Lão, cấp nước cho xã Phù Long huyện Cát Hải với tổng số khách hàng được cấp nước là trên 1.700 hộ.

3.2 Các công ty con, công ty liên kết:

Tình hình sản xuất, kinh doanh và số liệu báo cáo tài chính của Công ty CP kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng là:

Đơn vị: VND

TT	Chỉ tiêu	Ngày 31/12/2018
1	Tổng tài sản	102.878.446.570
1.1	Tài sản ngắn hạn	56.497.753.185
1.2	Tài sản dài hạn	46.380.693.385
2	Tổng nguồn vốn	102.878.446.570

2.1	Nợ phải trả	17.938.174.063
2.2	Vốn chủ sở hữu	84.920.272.507
3	Doanh thu	102.745.178.912
4	Doanh thu hoạt động tài chính	705.224.746
5	Thu nhập khác	1.003.374.487
6	Chi phí	82.977.167.102
7	Lợi nhuận trước thuế	21.476.611.043
8	Lợi nhuận sau thuế	17.181.288.834

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

(Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng)

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.622.474.319.392	1.246.788.155.344	+30,13
Doanh thu thuần	818.087.198.195	771.381.982.445	+6,05
Lợi nhuận từ HĐ SXKD	91.060.874.655	89.930.159.284	+1,26
Lợi nhuận khác	1.043.081.399	1.024.968.251	+1,77
Lợi nhuận trước thuế	92.103.956.054	90.955.127.535	+1,26

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	% tăng giảm
Lợi nhuận sau thuế	74.744.699.851	73.864.897.493	+1,19

(Nguồn: Các chỉ tiêu được lấy số liệu trên BCTC riêng năm 2018)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

(Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng)

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,61	1,26	
+ Hệ số thanh toán nhanh <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1,3	0,96	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ: Nợ phải trả /Tổng tài sản	0,44	0,3	
+ Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,79	0,44	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	8,4	9,7	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,504	0,62	

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Ghi chú
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,091	0,09	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,082	0,08	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,05	0,06	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,11	0,11	

(Nguồn: Các chỉ tiêu trên được lấy số liệu trên Báo cáo tài chính riêng năm 2018)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

- Tên cổ phiếu: **Cổ phiếu Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng.**
- Mã cổ phiếu: **HPW**
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 VNĐ
- Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký: 74.206.940 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký: 742.069.400.000 VNĐ

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Đơn vị : nghìn VND

Danh mục	Cổ đông trong nước		
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Tổng số vốn thực góp	74.206.940	742.069.400	100
1. Cổ đông nhà nước	59.797.840	597.978.400	80,58
2. Cổ đông ngoài	14.409.100	144.091.000	19,42

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không

e) Các chứng khoán khác: không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm 2018 là:

STT	Tên vật liệu	Tổng cộng	
		Lượng (kg)	Tiền
1	Phèn PAC	816.277	8.649.255.645
2	Phèn nhôm sunphat	44.121	164.836.409
3	Clo	172.300	2.714.560.364
4	Vôi	17.715	48.228.474
5	Javen	55.839,3	141.225.062
6	Than hoạt tính	38.431	960.775.000
7	NAOH 99%	400	7.120.000
8	Muối	8.212	82.120.000

STT	Tên vật liệu	Tổng cộng	
		Lượng (kg)	Tiền
9	Thuốc tím KMnO4	4.644,5	337.635.339
	TỔNG		13.105.756.293

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

STT	Diễn giải	KW	Thành tiền
1	Xí nghiệp sản xuất nước An Dương	12.571.116	21.564.352.298
2	Khu vực Văn Phòng	749.500	1.392.741.921
3	Chi nhánh cấp nước Hải Phòng 4	2.821.497	4.829.987.366
4	Chi nhánh cấp nước Hải Phòng 3	1.081.963	1.969.989.538
5	Chi nhánh cấp nước Hải Phòng 6	1.090.198	1.914.761.125
6	Xí nghiệp Cấp nước Cát Bà	829.537	1.646.272.032
7	Xí nghiệp Cấp nước Vĩnh Bảo	603.582	1.067.298.013
8	NMN Minh Đức	265.887	459.419.709
	Tổng cộng	20.013.280	34.844.822.002

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

STT	Xí nghiệp sản xuất nước	Sông nguồn	M3	Thành tiền
1	Xí nghiệp sản xuất nước An Dương	Sông Rế	47.000.644	42.300.579.600
2	Chi nhánh cấp nước Hải Phòng 3	Sông Rế	3.835.154	3.451.638.600
3	Chi nhánh cấp nước Hải Phòng 4	Sông Đa Độ	14.651.076	13.185.968.400
4	Chi nhánh cấp nước Hải Phòng 6	Sông Đa Độ	3.197.914	2.878.122.600
5	Xí nghiệp Cấp nước Vĩnh Bảo	Chanh Dương	2.116.092	1.904.482.800
6	NMN Minh Đức		694.823	625.340.700
	Tổng cộng		71.495.703	64.346.132.700

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng; Không có

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

+ Tổng số lao động trong doanh nghiệp: 1.098 người;

Trong đó: - Lao động là nam: 623 người;

- Lao động nữ: 475 người.

- Lao động tham gia BHXH: 1.098 người;

+ Tiền lương bình quân : 8,6 triệu đồng/ tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Được thể hiện trong Nội quy lao động, Quy chế trả lương, thưởng, ăn ca, Thỏa ước lao động tập thể v.v...Cụ thể;

Công ty cố gắng đảm bảo tất cả lao động đủ việc làm và có thu nhập ở mức khá so với mặt bằng chung của thành phố Hải Phòng. Thực hiện chế độ ăn giữa ca cho người lao động. Thực hiện nghiêm chế độ bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động, tổ chức đào tạo định kỳ và hàng năm về an toàn, vệ sinh lao động cho các đối tượng; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho CNV. Giải quyết đầy đủ, kịp thời các chế độ ốm đau, thai sản, nghỉ lễ, tết, nghỉ phép, trợ cấp khó khăn, tổ chức cho người lao động tham quan, nghỉ mát. Tặng quà cho người lao động những dịp lễ, Tết, tặng quà cho con CBCNV đạt thành tích trong học tập, nhân dịp Tết thiếu nhi. Tổ chức đào tạo tại chỗ, thuê đào tạo hoặc gửi đi đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao tay nghề, nâng lương, nâng bậc cho người lao động. Tổ chức khám sức khỏe toàn diện, định kỳ cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Công ty luôn quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có phẩm chất chính trị, chuyên môn, có khả năng điều hành và làm chủ thiết bị công nghệ cao; đội ngũ công nhân lành nghề và đội ngũ nhân viên kinh doanh tiêu thụ có phong cách phục vụ khách hàng tốt. Năm 2018, công ty đã tổ chức 26 khoá đào tạo, tập huấn, tham quan học tập cho cán bộ công nhân viên công ty với các lớp đào tạo giám đốc chiến lược, giám đốc nhân sự, giám đốc sản xuất chuyên nghiệp, đào tạo cán bộ làm công tác giảng dạy, nâng cao năng lực quản lý, kiểm định đồng hồ đo nước, nâng bậc thợ, các lớp học về an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ và các lớp tập huấn về nghiệp vụ quản lý xây dựng, thu tiền nước tại quây, an toàn hóa chất, sơ cứu cứu nạn cứu hộ và một số lớp tập huấn khác về quản lý tài chính, nghiệp vụ đấu thầu qua mạng, ...

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Tích cực tham gia các phong trào đền ơn đáp nghĩa, hỗ trợ những người mắc bệnh hiểm nghèo, người có gia cảnh khó khăn để tương thân, tương ái, giúp nhau ổn định cuộc sống. Không những chăm lo cho CBCNV trong Công ty, Công đoàn còn tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, ủng hộ, tài trợ như tổ chức thăm và trao quà cho 6 trường hợp gia đình thương binh liệt sĩ tại phường Hưng Đạo quận Dương Kinh với mỗi suất trị giá 7 triệu đồng/nhà; tài trợ 30 triệu đồng tiền mặt và 500 thùng nước tinh khiết phục vụ lễ hội Hoa phượng đỏ năm 2018. Năm 2018, được sự quan tâm của Đảng ủy, Hội đồng quản trị Công ty, hội CCB đã tham gia ủng hộ xây 2 nhà tình nghĩa tại Kiến Thụy và Tiên Lãng, tổng trị giá số tiền ủng hộ hơn 70 triệu đồng.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Kết quả sản xuất kinh doanh trong kỳ của công ty là:

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
1	2	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[01]	818.087.198.195	771.381.982.445
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	[02]		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	[10]	818.087.198.195	771.381.982.445
4. Giá vốn hàng bán	[11]	482.709.765.987	460.103.140.426
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	[20]	335.377.432.208	311.278.842.019
6. Doanh thu hoạt động tài chính	[21]	8.225.202.799	7.904.711.863
7. Chi phí tài chính	[22]	17.794.104.927	11.034.588.643
- Trong đó: Chi phí lãi vay	[23]	13.265.740.523	9.876.715.271
8. Chi phí bán hàng	[25]	114.912.685.618	110.409.400.964
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	[26]	119.834.969.807	107.809.404.991
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh	[30]	91.060.874.655	89.930.159.284

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
1	2	4	5
doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}			
11. Thu nhập khác	[31]	12.284.790.496	9.063.185.048
12. Chi phí khác	[32]	11.241.709.097	8.038.216.797
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	[40]	1.043.081.399	1.024.968.251
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	[50]	92.103.956.054	90.955.127.535
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	[51]	17.359.256.203	17.090.230.042
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	[52]		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	[60]	74.744.699.851	73.864.897.493

- Những tiến bộ công ty đã đạt được: Mặc dù có nhiều khó khăn nhưng với sự chỉ đạo kịp thời của HĐQT Công ty, Ban Tổng giám đốc Công ty; sự cố gắng, nỗ lực của tập thể CBCNV, Công ty vẫn tiếp tục giữ vững ổn định sản xuất kinh doanh, cung cấp đủ nước có chất lượng đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước ăn uống với dịch vụ ngày càng đa dạng, thuận tiện và nâng cao. Kết quả khảo sát đánh giá của khách hàng về dịch vụ cấp nước năm 2018 có nhiều tiêu chí đạt từ 99-100% khách hàng hài lòng.

1.2. Lĩnh vực sản xuất – Chất lượng nước

- Sản xuất nước ổn định, đảm bảo cấp nước đầy đủ cho nhu cầu của khách hàng. Nước sản xuất năm 2018 đạt 72,6 triệu m³ (trung bình ngày đạt 198.882 m³/ngày); tăng 1,7% so với kế hoạch; tăng 2,8% so với năm 2017.

- Duy trì áp lực cuối nguồn tại các tuyến ống chính đảm bảo tối thiểu 1,5 bar (≥ 15 m cột nước).

- Thực hiện cấp nước an toàn, chất lượng nước cấp đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN 01:2009, chất lượng nước phát đảm bảo độ đục trung bình đạt 0,19 NTU thấp hơn 10 lần cho phép (quy chuẩn là 2 NTU); clo dư trung bình đạt 0,63 mg/l, tất cả các mẫu thử nghiệm không có vi khuẩn Coliform. Lượng hóa chất xử lý nước trung bình PAC: 10,87 g/NTU/m³; Clo: 2,38 g/m³

- Chất lượng nước cấp được kiểm tra, giám sát bởi: Trung tâm y tế dự phòng Hải phòng, Trung tâm quan trắc môi trường biển Hải Phòng, Viện Sức khỏe – Môi trường, Bộ Y tế và Phòng Kiểm tra chất lượng Công ty - VILAS 449 (Phòng thí nghiệm được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025). Tất cả các mẫu đều có kết luận phù hợp với quy định của Nhà nước.

- Máy móc, thiết bị luôn hoạt động trong điều kiện an toàn, hiệu quả. Công tác bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị được thực hiện thường xuyên và định kỳ theo kế hoạch, đảm bảo hoạt động an toàn không để xảy ra sự cố.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về kiểm tra, kiểm định an toàn cho toàn bộ hệ thống theo quy định, đảm bảo tốt công tác PCCN và ATVSLĐ, không xảy ra tai nạn trong lao động.

- Sử dụng hợp lý hóa chất như PAC, Clo, than hoạt tính,... tại các nhà máy để đảm bảo chất lượng nước cấp, lượng hóa chất được sử dụng phù hợp giúp tiết kiệm chi phí. Nghiên cứu và sản xuất vật liệu lọc cát bọc oxit mangan để sử dụng tại các nhà máy. Theo dõi chặt chẽ chất lượng nước nguồn, kết hợp với các Công ty khai thác công trình thủy lợi để xử lý kịp thời các nguồn xả thải gây ô nhiễm, ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước thô.

- Áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ, tự động hóa vào quản lý và vận hành hệ thống cấp nước như: công nghệ lọc tiếp xúc sinh học U-BCF, công nghệ tuyền nổi áp lực, sản xuất vật liệu lọc cát bọc oxit mangan, oxi hóa sử dụng than hoạt tính dạng bột để xử lý ô nhiễm hữu cơ,....

- Duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2015 và quản lý chất lượng phòng thử nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025.

1.3. Lĩnh vực Kinh doanh tiêu thụ

- Tiếp tục xây dựng các tuyến ống truyền dẫn, mạng lưới phân phối để phát triển khách hàng theo kế hoạch, cấp nước cho các khu công nghiệp, khu đô thị mới và nông thôn. Tổng số khách hàng phát triển năm 2018 đạt 11.338 khách hàng. Nước tiêu thụ năm 2018 đạt 63,9 triệu m³ tăng 1,4% so với kế hoạch công tác, tăng 4,3% so với năm 2017.

- Công tác quản lý địa bàn: Kiểm tra, giám sát các đơn vị thi công công trình, kết hợp với các đơn vị liên quan để thực hiện các dự án chỉnh trang đô thị và phát triển cơ sở hạ tầng về giao thông.

- Công tác doanh thu: Thường xuyên kiểm tra, áp giá nước kịp thời, chính xác theo đúng mục đích sử dụng, đảm bảo doanh thu theo kế hoạch. Giá nước bình quân năm 2018 đạt 12.261 đ/ m³ tăng khoảng 1% so với kế hoạch công tác và năm 2017. Tổng doanh thu tiền nước năm 2018 đạt 783,9 tỷ đồng tăng 2,8% so với kế hoạch công tác, tăng 5,5% so với năm 2017.

- Công tác giảm thất thoát: khai thác hiệu quả dữ liệu của hệ thống scada để phục vụ công tác chống thất thoát. Tỷ lệ nước thất thoát năm 2018 đạt 11,96%, giảm 0,04% so với kế hoạch công tác góp phần nâng cao hiệu quả SXKD và tiết kiệm tài nguyên nước.

- Duy trì công tác đọc số bằng thiết bị cầm tay PDA và trút số tại các tổ quản lý. Đồng thời, chuẩn bị các công việc như: trang bị máy móc thiết bị, thiết lập quy trình thu đọc, đào tạo nhân viên,... để triển khai công tác đọc số thu tiền bằng smartphone.

- Khảo sát đánh giá chất lượng dịch vụ cấp nước năm 2018 của Công ty: số lượng khách hàng được khảo sát trên 7.500 hộ với 17 tiêu chí. Các tiêu chí được khách hàng đánh giá hài lòng đạt từ 99%-100%. Tổ chức thành công hội nghị khách hàng thường niên 2018.

- Phối hợp chặt chẽ với các ngân hàng, các đơn vị cung cấp dịch vụ thanh toán trung gian để mở rộng đa dạng các hình thức thanh toán tiền nước.

- Ban hành mẫu hợp đồng dịch vụ cấp nước, Điều kiện giao dịch chung mới. Thực hiện in thẻ khách hàng phục vụ đa dạng các hình thức thanh toán tiền nước.

- Ban hành quy định và triển khai thực hiện về tiếp nhận các yêu cầu của khách hàng về lắp đặt/di chuyển, đăng ký các dịch vụ cấp nước qua điện thoại và website Công ty.

- Tiếp tục thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa mạng lưới đường ống, nâng cỡ ống các khu vực quá tải và xả rửa các tuyến ống cấp 1, cấp 2, cấp 3 nhằm duy trì chất lượng nước cấp và dịch vụ.

- Thay mới hơn 28 nghìn đồng hồ và kiểm định khoảng 41 nghìn đồng hồ đo nước theo kế hoạch để bảo đảm quyền lợi của khách hàng và Công ty.

- Tiếp tục thực hiện Nghị định 117/2007/NĐ-CP về đấu nối miễn phí cho khách hàng là hộ gia đình đã có đường ống cấp 3 để nâng số người dân được hưởng lợi ích lớn hơn.

2. Tình hình tài chính

2.1. Công tác Tài chính.

- Cân đối thu chi đảm bảo trả nợ gốc và lãi vay các dự án đầy đủ, đúng hạn và trang trải đầy đủ các khoản chi phí vận hành giúp duy trì SXKD ổn định, đảm bảo lợi nhuận theo kế hoạch, vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển. Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2018 đạt 92,1 tỷ đồng ; trong đó lợi nhuận SXKD nước sạch đạt 81,4 tỷ đồng tăng khoảng 1% so với kế hoạch công tác.

- Theo dõi và hạch toán các giao dịch kinh tế tài chính theo đúng quy định hiện hành và đảm bảo hiệu quả SXKD của Công ty.

- Lập và kiểm toán báo cáo tài chính theo quy định.

- Thực hiện tốt công tác quản lý và bảo toàn vốn tại Công ty Cổ phần kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng.

2.2. Tình hình tài sản

Số liệu về biến động tài sản cố định hữu hình trong kỳ là:

STT	Loại tài sản	Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
1	2	3	4	5
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	491.184.899.505	267.997.279.062	223.187.620.443
2	Máy móc, thiết bị	158.981.112.269	105.624.105.628	53.357.006.641
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.313.682.217.488	639.479.155.845	674.203.061.643
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	6.248.361.490	4.735.488.938	1.512.872.552

STT	Loại tài sản	Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
5	Tài sản khác	10.767.313.149	7.790.710.407	2.976.602.742
	Tổng cộng	1.980.863.903.901	1.025.626.739.880	955.237.164.021

Tình hình tài chính công ty biến động theo chiều hướng tốt, vốn công ty được bảo toàn và sử dụng có hiệu quả cao, Công ty không có nợ phải thu xấu hoặc tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.2. Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Tính đến ngày 31/12/2018 nợ phải trả là 571.705.200.728 đồng trong đó:

+ Nợ ngắn hạn: 44.369.828.461 đồng

+ Nợ dài hạn: 527.335.372.267 đồng

Không có biến động quá lớn về các khoản nợ

- Nợ phải trả xấu: Không có

- Ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay:

Khi nhận gốc vay ngoại tệ trong kỳ, giao dịch này được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

+ Đối với khoản vay: Áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

3.1. Áp dụng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại trong sản xuất, quản lý

- Xây dựng, lập trình và nâng cấp phần mềm phục vụ cho công tác thu đọc tiền nước bằng smartphone.

- Vận hành phần mềm phát triển khách hàng và đăng ký dịch vụ cấp nước trực tuyến.

- Tiếp tục triển khai xây dựng hệ thống thông tin địa lý GIS.

+ Từng bước lắp đặt đồng hồ tiêu thụ có phát sóng Radio để tăng năng suất lao động nâng cao chất lượng dịch vụ, khách hàng có thể kiểm tra để biết lượng nước tiêu thụ tại bất kỳ thời điểm nào khi cần.

+ Tiếp tục phát hành và nâng cấp phần mềm hóa đơn điện tử, đa dạng các hình thức thanh toán tiền nước: Thu tại quầy, thu tại nhà, thu qua tài khoản ngân hàng, thu qua các dịch vụ thanh toán trung gian Payoo, qua các dịch vụ viễn thông..., ưu tiên thanh toán không dùng tiền mặt như: Qua tài khoản ngân hàng và các hình thức thanh toán trực tuyến, giảm dần tiền tới xóa bỏ hình thức thu tại nhà.

+ Xây dựng các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin, mạng viễn thông để tiến tới các giao dịch của khách hàng với công ty chủ yếu là giao dịch trực tuyến.

+ Nâng cấp phần mềm DVCN trực tuyến, để phục vụ đa số khách hàng khi có yêu cầu sử dụng dịch vụ cấp nước và các sản phẩm khác của công ty.

+ Thường xuyên cập nhật thông tin hoạt động cấp nước của Công ty trên Website để khách hàng truy cập.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống scada phục vụ công tác kiểm soát nước thất thoát.

3.2. Hợp tác quốc tế

- Cùng với Cục Cấp thoát nước Kitakyushu triển hỗ trợ kỹ thuật, hoàn thành nghiên cứu ứng dụng công nghệ lọc tiếp xúc sinh học (U-BCF) tại 6 tỉnh thành. Hội thảo báo cáo cuối kỳ đã được tổ chức vào ngày 18/12/2018.

- Duy trì quan hệ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực cấp thoát nước tại Nhật Bản, Áo, Đức,...

-Tăng cường hợp tác với các tổ chức tổ chức quốc tế như: Ngân hàng thế giới, Ngân hàng phát triển châu Á, Hiệp hội các công ty nước Đông Nam Á, Hiệp hội nước Đức.... tranh thủ vốn tài trợ, vốn ODA lãi suất thấp, thời gian vay dài để đầu tư các dự án cải tạo và mở rộng hệ thống cấp nước để nâng cao năng lực cấp nước, giảm thất thoát nước, mở rộng diện phục vụ cấp nước, tăng số lượng khách hàng.

-Tìm kiếm, thiết lập mối quan hệ với các đối tác khác không ngừng học hỏi, nâng cao trình độ, đổi mới công tác quản lý theo hướng tiên tiến, hiệu quả. Qua đó nâng cao trình độ ngoại ngữ của cán bộ quản lý, kỹ thuật công ty.

-Tăng cường nguồn lực đào tạo trong và ngoài nước.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1. Lĩnh vực sản xuất nước và chất lượng nước:

- Đảm bảo cấp nước an toàn, kịp thời, đầy đủ nhu cầu của khách hàng tại các vùng phục vụ. Dự kiến sản lượng nước sản xuất năm 2019 là 74,4 triệu m³.

- Chất lượng nước đạt yêu cầu, phù hợp với QCVN 01: 2009/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước ăn uống và mục tiêu chất lượng của các đơn vị.

- Kết hợp với các Công ty khai thác thủy nông tăng cường công tác bảo vệ nguồn nước.

4.2. Lĩnh vực kinh doanh tiêu thụ và tài chính:

- Tiếp tục mở rộng vùng phục vụ cấp nước, đặc biệt ra các khu vực nông thôn theo chỉ đạo của UBND thành phố Hải Phòng.

- Áp giá nước đúng mục đích, đạt đơn giá bình quân và đảm bảo doanh thu.

- Dự kiến năm 2019 phát triển khoảng 6.600 khách hàng nâng tổng số khách hàng dùng nước đạt khoảng 317.000.

- Vận hành mạng lưới theo áp lực cuối nguồn đảm bảo ≥ 15 m cột nước

- Tăng cường công tác chống thất thu thất thoát nước. Phần đầu tỷ lệ thất thoát nước toàn công ty $\leq 12\%$

- Tổng doanh thu và thu nhập khác phần đầu đạt 839 tỷ đồng.

- Triển khai công tác đọc số và thu tiền bằng Smartphone.

- Tiếp nhận và giải quyết các dịch vụ, yêu cầu của khách hàng trực tuyến qua website công ty.

- Bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu, bảo đảm thỏa đáng thu nhập của người lao động và nộp ngân sách đầy đủ.

- Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư.

- Trả nợ gốc và lãi vay đầy đủ đúng hạn

- Phần đầu có lợi nhuận bằng hoặc cao hơn năm 2018.

- Phần đầu trả cổ tức bằng hoặc lớn hơn dự kiến.

- Quản lý hiệu quả vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng.

4.3. Lĩnh vực khác:

- Tổ chức, sắp xếp tinh gọn bộ máy để hoạt động sản xuất kinh doanh được hiệu quả hơn.

- Thực hiện thoái vốn nhà nước theo chủ trương của Chính phủ và thành phố.

- Đảm bảo điều kiện công ăn việc làm, ổn định thu nhập, nâng cao đời sống CBCNV Công ty.

- Phát huy phong trào thi đua nghiên cứu áp dụng sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong công tác quản lý và sản xuất kinh doanh.

- Tổ chức các chương trình học tập, tham quan nghiên cứu, tổ chức các lớp bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho CBCNV.

- Duy trì và phát triển các quan hệ hợp tác trong và ngoài nước.

- Tích cực tham gia công tác xã hội.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): không

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

6.1 Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

- Bằng các biện pháp thưởng/phạt khi sử dụng tiết kiệm hoặc lãng phí so với định mức kinh tế kỹ thuật trong quá trình sản xuất đối với nước sạch (nước thô), năng lượng (điện), Công ty đã triệt để tiết kiệm các nguồn nước, năng lượng dùng cho sản xuất, bán hàng và sinh hoạt đồng thời hạn chế đến mức tối đa nguồn phát thải ra ngoài môi trường.

- Hệ thống xử lý nước của công ty hoạt động liên tục (24/24h), được kiểm soát chặt chẽ các chỉ tiêu hàng ngày và đáp ứng tốt yêu cầu môi trường bên cạnh việc tăng cường trồng cây xanh, đảm bảo môi trường sản xuất xanh, sạch, an toàn.

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty luôn quan tâm, chăm lo đến đời sống CBCNV - người lao động trong Công ty cả về vật chất và tinh thần. Đảm bảo đủ việc làm và có thu nhập ở mức khá so với mặt bằng chung của thành phố. Đóng BHXH đầy đủ, giải quyết kịp thời các chế độ, chính sách BHXH, ốm đau, thai sản, nghỉ phép, nghỉ lễ, tết, tiền lương, tiền thưởng, chế độ ăn giữa ca; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động. Tổ chức khám sức khỏe toàn diện, định kỳ hàng năm cho người lao động, bố trí công việc phù hợp với điều kiện sức khỏe và khả năng của người lao động. Thường xuyên quan tâm công tác đào tạo: tạo điều kiện cho người lao động đi học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, gửi tham dự các lớp tập huấn, các lớp đào tạo .

Phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao được Công ty quan tâm, tạo sân chơi lành mạnh cho người lao động: duy trì hoạt động của đội văn nghệ phục vụ các hội nghị của Công ty và tham gia hội diễn của Chi hội cấp nước miền Bắc; tham gia các giải bóng đá phong trào của địa phương và Hội thao toàn Công ty.

6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Ngoài việc phát triển sản xuất ,tạo thêm việc làm và thu nhập cho cộng đồng dân cư các khu vực trong thành phố, Công ty còn tích cực tham gia các hoạt động giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ tại địa bàn, các hoạt động tương thân, tương ái, ủng hộ, hỗ trợ các tổ chức xã hội, nhân đạo, ủng hộ đồng bào bão lụt, xây nhà tình nghĩa... cũng như các hoạt động khác của địa phương.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty năm 2018, trong năm qua Hội đồng quản trị đã thực hiện chức năng quản trị, giám sát và định hướng mọi hoạt động của công ty, HĐQT đã giao nhiệm vụ cụ thể đến từng thành viên theo từng lĩnh vực để chỉ đạo, giám sát các hoạt động của Ban điều hành. Năm 2018, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao.

1.1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu SXKD năm 2018

(Đơn vị tính: đồng)

STT	Chỉ tiêu	THỰC HIỆN
1	Doanh thu	818.087.198.195
2	Doanh thu hoạt động tài chính	8.225.202.799
3	Chi phí	746.493.235.436
4	Lợi nhuận trước thuế	92.103.956.054
5	Lợi nhuận sau thuế	74.744.699.851
6	Chỉ tiêu cổ tức dự kiến	8%

Nhìn chung những biện pháp chỉ đạo của HĐQT đã giúp giải quyết kịp thời những khó khăn, giúp cho hoạt động sản xuất ổn định, cấp nước an toàn và đầy đủ cho khách hàng. Cùng với sự cố gắng nỗ lực của Ban lãnh đạo và tập thể cán bộ công nhân viên (CBCNV) mà trong năm 2018 Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Cụ thể: sản lượng nước sản xuất đạt 72,6 triệu m³ tăng 1,6% so với kế hoạch, sản lượng nước tiêu thụ đạt 63,9 triệu m³ tăng 1,4% so với kế hoạch; doanh thu nước đạt 783,9 tỷ đồng tăng 2,8% so với kế hoạch; lợi nhuận trước thuế đạt 92,1 tỷ đồng tăng khoảng 1% so với kế hoạch.

1.2. Kết quả đầu tư xây dựng năm 2018

HĐQT quản lý, giám sát hoạt động và nguồn vốn đầu tư theo đúng chức năng nhiệm vụ, tuân thủ quy định của pháp luật và điều lệ Công ty. HĐQT đã chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện hoạt động đầu tư linh hoạt, điều chỉnh thiết kế và nguồn vốn đầu tư theo từng giai đoạn giúp nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn. Dưới sự chỉ đạo của HĐQT các công trình dự án đều đảm bảo chất lượng và tiến độ thi công theo kế hoạch đề ra.

Trong năm 2018, Công ty đã hoàn thành và đưa vào sử dụng 27 công trình, dự án xây dựng cơ bản, tổng giá trị tài sản cố định tăng lên qua đầu tư xây dựng cơ bản khoảng 257 tỷ đồng; đồng thời cũng đã giải ngân được 537 tỷ đồng cho các công trình, dự án (bao gồm cả các công trình chuyển tiếp từ các năm trước).

1.2. Công tác tổ chức nhân sự

- Đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần, chăm sóc sức khỏe, giải quyết tốt các chế độ chính sách cho người lao động; tạo đủ việc làm, cải thiện điều kiện làm việc và đảm bảo thu nhập ở mức khá so với mặt bằng chung của người lao động trong thành phố, làm tròn nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước.

- Đi đôi với giữ ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh, Công ty làm tốt công tác bảo vệ môi trường; giảm thiểu phát thải các chất thải rắn, chất thải khí ra môi trường bằng các giải pháp kỹ thuật, đảm bảo sản xuất an toàn.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Các thành viên HĐQT thường xuyên trực tiếp kiểm tra công tác điều hành SXKD trên các lĩnh vực được phân công, tích cực giám sát và chỉ đạo Tổng giám đốc và Ban điều hành Công ty thực hiện tốt nhiệm vụ được giao thông qua việc:

- Theo dõi việc hoàn thành các chỉ tiêu trong năm;
- Yêu cầu Tổng Giám đốc và Ban điều hành thực hiện báo cáo kết quả kinh doanh và tình hình hoạt động trong các cuộc họp định kỳ hàng quý của HĐQT. Từ đó đưa ra các chỉ đạo giúp cho hoạt động SXKD của Công ty có hiệu quả;

- Phối hợp với Ban Kiểm soát nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty để từ đó có những kiến nghị thiết thực giúp Tổng Giám đốc và Ban điều hành hoàn thành tốt nhiệm vụ được ĐHĐCĐ và HĐQT giao;

- Tích cực tham gia vào các buổi họp giao ban và các buổi họp khác của Ban điều hành nhằm theo sát các hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Các thành viên trong Ban Giám đốc đoàn kết, hoàn thành tốt nhiệm vụ, chức trách theo lĩnh vực được phân công.

HĐQT đánh giá cao trong quá trình hoạt động Tổng giám đốc và Ban điều hành đã luôn nỗ lực, cố gắng để hoàn thành tốt các chỉ tiêu đề ra và luôn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật và Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong năm 2019, HĐQT sẽ tiếp tục cùng Ban điều hành và CBCNV Công ty nỗ lực phấn đấu để không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra

- Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, đảm bảo tỷ suất đầu tư hợp lý.

- Thực hiện đảm bảo chất lượng và tiến độ thi công công trình, đúng trình tự xây dựng cơ bản.

- Thực hiện thoái vốn nhà nước tại Công ty theo sự chỉ đạo của các sở, ban, ngành và Thành phố.

- Bảo toàn và phát triển vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng.

- Nâng cao công tác quản lý kinh doanh tiêu thụ và chất lượng sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực.

- Luôn quan tâm, đảm bảo quyền lợi và không ngừng nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

- Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

- Toàn bộ báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán được đăng tải chi tiết tại địa chỉ Website: capnuochaiphong.com.vn.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



[Handwritten signature]
CHỦ TỊCH HĐQT
Trần Việt Cường